TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị Lành
2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 , tại: Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 509/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019, về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ph, sinh năm 1988
Địa chỉ: Tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Anh Lưu Thiện Đ, sinh năm 1988
Địa chỉ: Tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15–7–2019, các lời khai có tại hồ sơ và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Phạm Thị Ph trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ph và anh Lưu Thiện Đ tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Chị Ph và anh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đ Lộc, tỉnh Quảng Nam và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 174 ngày 12-12-2012. Sau khi, kết hôn vợ chồng sinh sống tại: Tổ 4, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai cho tới nay. Quá trình chung sống đến nay, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến nay chị Ph thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Ph yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lưu Thiện Đ.

Về con chung: Chị Ph và anh Đ có 01 (Một) con chung là cháu Lưu Thùy L, sinh ngày 07-7-2013. Hiện tại cháu L vẫn đang chung sống cùng chị Ph và anh Đ. Khi ly hôn chị Ph có nguyện được nuôi con và yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000đ/tháng cho đến khi cháu L thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Ph thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Ph đã nộp các tài liệu gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn số 174 do UBND thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đ Lộc, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 12-12-2012;
- Giấy CMND và Sổ hộ khẩu gia đình;
- Giấy khai sinh cháu Lưu Thùy L, sinh ngày 07-7-2013.
- Giấy xác nhận lương ngày 09-9-2019 của Bệnh viện tỉnh Gia Lai.

Tại bản tự khai ngày 22-7-2019, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lưu Thiện Đ trình bày:

Về hoàn cảnh và điều kiện kết hôn anh Đ thống nhất với ý kiến như chị Ph trình bày. Trong thời gian vợ chồng chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để hòa giải với nhau nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải. Nay chị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì anh Đ đồng ý vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Anh Đ thống nhất vợ chồng có 01 (Một) con chung là cháu Lưu Thùy L, sinh ngày 07-7-2013. Hiện con vẫn chung sống với vợ chồng. Khi ly hôn anh Đ cũng có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị Ph đóng tiền cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con thì anh Đ xác định mình có điều kiện chăm sóc con tốt hơn chị Ph. Bởi vì công việc của anh Đ là giáo viên nên có nhiều thời gian chăm sóc và đưa con đi học hơn chị Ph. Mặt khác thu nhập ổn định từ lương hàng tháng của anh Đ là 6.200.000đ/tháng là cao hơn chị Ph. Ngoài ra, anh Đ còn đi làm thêm bên ngoài nên có thêm thu nhập.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Chị Phạm Thị Ph yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Các đương sự đều cư trú tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn là anh Lưu Thiện Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ph và anh Lưu Thiện Đ kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân giữa chị Ph và anh Đ là hợp pháp.

[3] Quá trình giải quyết vụ án chị Ph và anh Đ đều thống nhất nội dung: *"Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được chị Ph và anh Đ tự hòa giải với nhau và cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả"*.

Đối với yêu cầu ly hôn của chị Ph thì anh Đ đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của chị Ph và Đ đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ph.

[4] Về con chung: Chị Ph và anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con.

Hội đồng xét xử nhận thấy chị Ph và anh Đ đều có công việc và thu nhập ổn định và đều có khả năng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Đ vắng mặt, ngoài các lời khai có tại hồ sơ thì anh Đ không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Việc anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nên không trình bày, đối đáp, phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng để bảo vệ yêu cầu được nuôi con của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét nguyện vọng được nuôi con của anh Đ. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị Ph.

Tại phiên tòa, mức cấp dưỡng chị Ph yêu cầu anh Đ phải đóng hàng tháng số tiền là 1.500.000đồng đối với con chung là cháu cháu Lưu Thùy L, sinh ngày 07-7-2013. Mức cấp dưỡng này là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh Đ và

đảm bảo cho nhu cầu thiết yếu của con chung. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận mức yêu cầu cấp dưỡng này của chị Ph.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Ph và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Chị Ph là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng. Anh Đ là người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ph.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ph được ly hôn với anh Lưu Thiện Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lưu Thùy L, sinh ngày 07-7-2013 cho chị Phạm Thị Ph được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lưu Thiện Đ phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.500.000đ/tháng (một triệu, năm trăm nghìn đồng một tháng) cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí:

Chị Phạm Thị Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001698 ngày 18-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Ph đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lưu Thiện Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đ Lộc, tỉnh Quảng Nam (Giấy CNKH số 87 năm 2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Đình Nguyên

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi . . . giờ . . . phút, ngày 21 tháng 11 năm 2019.
Tại: Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Đình Nguyên
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. .....
2. .....

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 509/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019, về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ph, sinh năm 1988

Địa chỉ: Lô A28 Khu thu nhập thấp, Tổ 4, phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Anh Lưu Thiện Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: Lô A28 Khu thu nhập thấp, Tổ 4, phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ph được ly hôn với anh Lưu Thiện Đ.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lưu Thùy L, sinh ngày 07-7-2013 cho chị Phạm Thị Ph được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lưu Thiện Đ phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.500.000đ/tháng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng một tháng) cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về án phí:

Chị Phạm Thị Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001698 ngày 18-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Ph đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lưu Thiện Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi . . . giờ . . . phút, ngày 21 tháng 11 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đình Nguyên